

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2025/HS-ST
Ngày 23 - 6 - 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hoàn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thêu

Ông Lê Tiến Thần

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:
Bà Nhâm Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 57/2025/TLST-HS ngày 28 tháng 4 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2025/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 6 năm 2025 đối với:

I. Bị cáo: Đỗ Quang K, sinh năm 1995 tại tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: thôn P, xã B, huyện K, tỉnh Thái Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Bố đẻ: Đỗ Đức M, sinh năm 1968; Mẹ đẻ: Bùi Thị T, sinh năm 1970; Chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Từ tháng 3/2015 đến tháng 7/2016 tham gia nghĩa vụ quân sự tại Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh T.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 04/10/2024, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T. (Có mặt).

II. Bị hại: Anh Bùi Công B, sinh năm 1989. (Có mặt).

Địa chỉ: thôn P, xã B, huyện K, tỉnh Thái Bình.

III. Người làm chứng:

- Anh **Trương Quốc V**, sinh năm 1993. (Vắng mặt).

Địa chỉ: thôn G, xã B, huyện K, tỉnh Thái Bình.

- Ông **Đỗ Hồng K1**, sinh năm 1941. (Vắng mặt).

- Ông **Nguyễn Xuân T1**, sinh năm 1960. (Có mặt).

- Anh **Bùi Công Đ**, sinh năm 1989. (Vắng mặt).

- Bà **Vũ Thị M1**, sinh năm 1963. (Vắng mặt).

- Ông **Bùi Công T2**, sinh năm 1957. (Vắng mặt).

Đều ở địa chỉ: thôn P, xã B, huyện K, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 5/2024, Đỗ Quang K và anh Bùi Công B, anh Trương Quốc V rủ nhau đi chơi nhưng không có tiền. K và anh B thống nhất cầm cố chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WINNER, biển kiểm soát 17B7-377.69 của K cho chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1998, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn Đ, xã K, huyện K, tỉnh Hà Nam nhưng đang thuê nhà để sinh sống tại thôn A, xã B, huyện K lấy số tiền 3.500.000 đồng để chi tiêu chung rồi sau anh B sẽ góp tiền để K chuộc xe. Thời gian sau K và gia đình đã nói chuyện với anh B để chuộc xe cho mình nhưng anh B nói không có tiền. Khoảng 19 giờ ngày 29/9/2024, K sang nhà ông nội K là ông Đỗ Hồng K1 ở chung sân và liền kề với nhà K, lấy con dao dài 60cm trên cán dao có ghi chữ “*Ô Khanh*” để ở gầm giường của phòng khách, là dụng cụ hằng ngày ông K1 dùng để phát cây rồi cầm dao đi bộ đến nhà anh B hỏi về việc chuộc xe. Đến nơi, K đứng ngoài cổng gọi, anh B từ trong nhà đi ra hiên nói với K “*Mày cứ về đi, mai tao lên nhà mày nói chuyện*”, thấy vậy, K cầm dao đi về cất vào chỗ cũ. Khỏi chờ nhưng hôm sau anh B vẫn không sang nói chuyện nên vào khoảng 20 giờ 20 phút ngày 30/9/2024 K lại sang nhà ông K1 lấy con dao quắm hôm trước rồi đi bộ đến nhà anh B. Khi đến cổng nhà anh B, K nói “*Anh B ơi, anh mở giúp em cái cổng*”, anh B đi từ trong nhà ra nói với K “*không*” rồi quay vào nhà. Khỏi tay phải cầm dao trèo qua tường bao, nhảy vào trong sân đuổi theo anh B. Anh B xoay người bên trái ngoái lại nhìn về phía K, K tiến lại gần phía anh B, khi cách anh B khoảng 01m Khỏi vung dao chém 01 nhát từ trên xuống, từ phải qua trái, cán dao hướng lên trên, lưỡi dao hướng xuống dưới. Anh B cúi đầu xuống, K chém trúng vào mồm vai trái và tai trái anh B trong tư thế đang cúi người, K tiếp tục chém 01 nhát nữa trúng vào vai trái anh B, anh B hô lên “*mày giết tao à*” nhưng K không nói gì. Thấy vậy, anh B bỏ chạy thì K đuổi theo chém 01 nhát nữa trúng vào lưng và gáy anh B. Anh B chạy vào lối hẻm cạnh nhà rồi nhảy xuống sông sau nhà, bơi

sang bên kia sông. K đuổi đến bờ sông thì không đuổi nữa mà quay vào sân nhà anh B, đợi anh B về. Khoảng 05 phút không thấy anh B về, có một số người dân đến, K cầm dao đi theo lối ruộng phía sau nhà anh B, trên đường về nhà K rửa sạch con dao vừa chém anh B. Còn anh B khi bơi sang bờ sông đã vào nhà anh Bùi Công Đ, được anh Đ đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa huyện K, đến ngày 09/10/2024 thì xuất viện.

* Bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 534/KLTTCT-TTPY ngày 04/10/2024 của Trung tâm Pháp y tỉnh T đối với anh B xác định: bờ ngoài tai trái có vết thương trung bình đã khâu; mồm vai trái có vết thương trung bình đã khâu; sau vai trái có 02 vết thương đã khâu: vết thứ nhất vết thương trung bình, vết thứ hai vết thương trung bình; vùng cổ sau bên phải có vết thương nhỏ đã khâu; vùng lưng có vết thương trung bình. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên đối với Bùi Công B tại thời điểm giám định là 11%. Cơ chế hình thành thương tích: vùng vai trái có vết thương dài khoảng 7cm, đáy vết thương sâu, bờ gọn, chảy nhiều máu; vùng lưng phải có vết thương dài khoảng 15cm, đáy vết thương sâu, bờ gọn, chảy nhiều máu; vùng gáy phải có vết thương dài khoảng 02cm, đáy vết thương sâu, bờ gọn, chảy nhiều máu; vùng tai trái có vết thương dài khoảng 04cm, rách hoàn toàn sụn viền tai, bờ gọn, chảy nhiều máu, vùng cằm phải có khối sưng: do vật sắc tác động trực tiếp gây nên. Hiện tại bệnh nhân còn đang nằm điều trị tại Bệnh viện, chưa có đủ hồ sơ y tế nên chưa đánh giá được hết các tổn thương và di chứng.

* Bản kết luận giám định bổ sung tổn thương cơ thể trên người sống số 573/KLTTCT-TTPY ngày 30/10/2024 của Trung tâm Pháp y tỉnh T, kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên đối với Bùi Công B tại thời điểm giám định bổ sung là 14%.

Bị hại phải nằm viện 10 ngày, yêu cầu bị cáo phải bồi thường tổng số tiền 73.900.000 đồng bao gồm: tiền viện phí, tiền mua thuốc, tiền ngày công lao động, tiền công chăm sóc và bồi thường thiệt hại về sức khỏe. Bị cáo chưa bồi thường.

* **Cáo trạng số 63/CT-VKSTB ngày 28/04/2025** của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình truy tố Đỗ Quang K về tội “*Giết người*” theo quy định tại khoản 2 Điều 123 Bộ luật Hình sự.

*** Tại phiên tòa:**

- Bị cáo khai nhận chỉ dùng dao chém 02 nhát vào người anh B nên chỉ gây ra hai vết thương nhưng bị cáo không xác định được vị trí vết thương, các vết thương còn lại anh B tự gây nên. Bị cáo nhận thức được việc dùng dao chém vào vai, gáy anh B là rất nguy hiểm. Bị cáo thể hiện thái độ ăn năn hối cải về

hành vi phạm tội, chấp nhận bồi thường cho bị hại theo pháp luật nhưng bị cáo đang bị giam giữ nên không có tiền để bồi thường.

- Bị hại yêu cầu áp dụng mức hình phạt cho bị cáo theo quy định của pháp luật và bị cáo phải bồi thường tiền viện phí, tiền mua thuốc, tiền ngày công lao động, tiền công chăm sóc, tổn thất tinh thần cho bị hại tổng cộng là 73.900.000 đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình luận tội, giữ nguyên truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Đỗ Quang K phạm tội “*Giết người*”. Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 123, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 38, Điều 15, Điều 57 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Đỗ Quang K từ 07 đến 08 năm tù. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại tổng số tiền 47.300.000 đồng. Ngoài ra còn đề nghị xử lý vật chứng và đề nghị áp dụng án phí hình sự sơ thẩm, dân sự sơ thẩm cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

- Bị cáo không tranh luận.

- Bị hại, bị cáo nhất trí với mức bồi thường mà Đại diện VKS đề nghị.

Bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo yên tâm cải tạo, sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quyết định tố tụng, hành vi tố tụng: Quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng tỉnh Thái Bình, của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về chứng cứ buộc tội đối với bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo khai chỉ dùng dao quắm như cáo trạng mô tả chém 02 nhát vào phía vai và lưng bị hại nên chỉ gây ra cho bị hại 02 vết thương nhưng không biết chém cụ thể vào vị trí nào trên vai và lưng của bị hại, bị cáo cho rằng bị hại tự gây ra các vết thương còn lại. Lời khai này của bị cáo mâu thuẫn với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, truy tố (bút lục số 132-158). Tuy nhiên tài liệu, chứng cứ cơ quan điều tra đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, gồm: Đơn trình báo của bị hại; Biên bản kiểm tra, xác định nơi xảy ra vụ việc và sơ đồ hiện trường, bản ảnh do Cơ quan

Cảnh sát điều tra Công an huyện K lập hồi 8 giờ ngày 01/10/2024 (Bút lục số 56-70); Giấy chứng nhận thương tích số 04 ngày 01/10/2024 của Bệnh viện đa khoa huyện K đối với anh Bùi Công B (Bút lục số 72); Phiếu phẫu thuật, thủ thuật ngày 30/9/2024 đối với bệnh nhân Bùi Công B (Bút lục số 187-188); Bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 534/KLTTCT-TTPY ngày 04/10/2024 của Trung tâm Pháp y tỉnh T (Bút lục số 74-75); Bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 573/KLTTCT-TTPY ngày 30/10/2024 của Trung tâm Pháp y tỉnh T (Bút lục số 82-83); Kết luận giám định số 1494/KL-KTHS ngày 09/10/2024 của Phòng K2 Công an tỉnh T đối với tập tin video thu giữ hình ảnh Camera tại hiện trường (Bút lục số 95-106); Lời khai của bị hại và những người làm chứng: Anh Trương Quốc V, ông Đỗ Hồng K1, ông Nguyễn Xuân T1, anh Bùi Công Đ, bà Vũ Thị M1, và ông Bùi Công T2 (Bút lục số 218-234) và lời khai của bị hại tại phiên toà đã chứng minh lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra mới đúng với hành vi của bị cáo.

Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận: Do cần tiền ăn chơi, vào tháng 5/2024 bị cáo và bị hại đã thống nhất đem xe của bị cáo đi cầm cố, sau bị hại sẽ có trách nhiệm chuộc lại xe cho bị cáo nhưng thực tế bị cáo yêu cầu nhiều lần bị hại vẫn không bỏ tiền để chuộc xe cho bị cáo nên khoảng 20 giờ 20 phút ngày 30/9/2024, tại nhà bị hại ở thôn P, xã B, huyện K, tỉnh Thái Bình, bị cáo Đỗ Quang K đã có hành vi cầm dao quắm treo qua tường vào sân chém nhiều nhát vào vùng đầu, vai, lưng anh B khiến anh B phải bỏ chạy, nhảy xuống sông, bơi qua sông để thoát thân. Hậu quả anh B bị đa chấn thương tại vùng lưng, vai trái, tai trái, vùng cổ sau gáy phải, được người dân đưa đi cấp cứu và điều trị tại bệnh viện Đa khoa huyện K trong thời gian 10 ngày, từ ngày 30/9/2024 đến ngày 09/10/2024 thì xuất viện. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là 14%.

Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Giết người” theo quy định tại khoản 2 Điều 123 Bộ luật hình sự.

Điều 123. Tội giết người

1. Người nào giết người thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình:

- a) Giết 02 người trở lên;*
- b) Giết người dưới 16 tuổi;*
- c) Giết phụ nữ mà biết là có thai;*
- d) Giết người đang thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân;*
- đ) Giết ông, bà, cha, mẹ, người nuôi dưỡng, thầy giáo, cô giáo của mình;*

e) Giết người mà liền trước đó hoặc ngay sau đó lại thực hiện một tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng;

g) Để thực hiện hoặc che giấu tội phạm khác;

h) Để lấy bộ phận cơ thể của nạn nhân;

i) Thực hiện tội phạm một cách man rợ;

k) Bằng cách lợi dụng nghề nghiệp;

l) Bằng phương pháp có khả năng làm chết nhiều người;

m) Thuê giết người hoặc giết người thuê;

n) Có tính chất côn đồ;

o) Có tổ chức;

p) Tái phạm nguy hiểm;

q) Vi động cơ đê hèn.

2. Phạm tội không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm”.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình truy tố bị cáo ra trước Tòa về tội *Giết người* theo quy định tại khoản 2 Điều 123 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo:

Hành vi của Đỗ Quang K là rất nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất an toàn xã hội, gây bức xúc trong dư luận. Chỉ vì những mâu thuẫn phát sinh trong lối sống của bị cáo và bị hại, bị cáo đã cố ý dùng dao quắm là hung khí nguy hiểm chém vào vùng đầu, vai, lưng, gáy là những vùng trọng yếu trên cơ thể anh B. Mặc dù hậu quả chết người chưa xảy ra, nhưng buộc K phải biết hành vi đó có thể tước đoạt mạng sống của anh B, sau khi chém vào vai trái và tai trái anh B gây thương tích, anh B đã bỏ chạy nhưng K vẫn tiếp tục đuổi theo chém thêm 01 nhát vào lưng và gáy anh B thể hiện ý chí quyết tâm phạm tội của bị cáo, nếu anh B không nhảy xuống sông bơi được để thoát thân thì có thể nguy hiểm đến tính mạng. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hậu quả của hành vi nhưng vì coi thường tính mạng, sức khỏe của người khác, coi thường pháp luật mà phạm tội. Sau khi phạm tội bị cáo không bồi thường thiệt hại cho bị hại. Vì vậy cần phải xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo và đấu tranh phòng ngừa tội phạm trong xã hội.

[4] Đánh giá về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách

nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Bị cáo có chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp chưa đạt nên bị cáo được áp dụng hình phạt tù không quá ba phần tư mức hình phạt mà điều luật quy định theo khoản 3 Điều 57 Bộ luật Hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo đã thành khẩn khai báo. Tại phiên tòa bị cáo không thừa nhận đã gây ra toàn bộ các vết thương cho anh B nhưng vẫn thừa nhận có chém anh B, chấp nhận số tiền bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường theo mức mà VKS đề nghị nhưng sau khi mãn hạn tù sẽ thực hiện việc bồi thường; bị cáo có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự. Việc bị hại không thực hiện việc chuộc xe cho bị cáo là nguyên nhân dẫn đến việc bị cáo phạm tội với bị hại nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về mức hình phạt: Căn cứ vào tính chất mức độ phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần xử phạt bị cáo mức án trong mức đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Ban đầu bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường tổng số tiền 73.900.000 đồng bao gồm: Viện phí: 3.100.000 đồng; Mua thuốc ngoài, cắt chỉ, vệ sinh vết thương 2.800.000 đồng; Ngày công lao động nghỉ việc 2 tháng x 8.000.000 đồng/tháng = 16.000.000 đồng; Ngày công người chăm sóc 10 ngày x 200.000 đồng/ngày = 2.000.000 đồng; Bồi thường thiệt hại về tinh thần 50.000.000 đồng. Tại phiên tòa bị hại chấp nhận mức bồi thường theo đề nghị của Đại diện VKSND tỉnh Thái Bình, chỉ yêu cầu bị cáo bồi thường tổng số tiền 47.300.000 đồng. Xét yêu cầu này phù hợp với chi phí thực tế và khoản tiền bồi thường tổn thất về tinh thần tương đương 10 tháng lương cơ sở x 2.340.000 đồng/tháng = 23.400.000 đồng nên cần chấp nhận.

[7] Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự, tịch thu tiêu hủy công cụ phạm tội là 01 con dao (*dạng dao quắm*) dài 60cm cả cán, cán dao bằng gỗ hình trụ dài 27cm, đường kính 3,5cm, lưỡi dao bằng kim loại tối màu dài 33cm, bản dao chỗ giáp cán rộng 3,5cm, bản chỗ rộng nhất là 4,5cm, mũi dao tù bị cong vênh về phía bên trái, cách đầu mũi 1,5cm có vết mẻ rộng 0,8cm, trên cán dao có ghi chữ "Ô Khanh" viết bằng mực màu xanh.

[8] Các vấn đề khác:

- *Đối với hành vi của Nguyễn Thị H* cầm cố tài sản là chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA WINNER, biển kiểm soát 17B7-377.69 mang tên Đỗ Quang K: H

không có giấy phép đăng ký ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự nhưng đã có hành vi cho K vay 3.500.000 đồng và cầm cố tài sản của K, Ủy ban nhân dân huyện K xử phạt vi phạm hành chính đối với Nguyễn Thị H, số tiền 12.500.000 đồng theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 953/QĐ ngày 04/3/2025 là đúng quy định pháp luật.

- *Đối với hành vi mua bán, tổ chức hút cỏ:* Đỗ Quang K, Bùi Công B và Trương Quốc V đều trình bày, khoảng tháng 5/2024 K mua thuốc cỏ của chị H và mua của một người đàn ông không rõ tên tuổi, địa chỉ cụ thể để hút. Số thuốc cỏ trên K, B và V đã sử dụng hết, Cơ quan điều tra không thu được mẫu vật để giám định nên không có căn cứ xử lý đối với Nguyễn Thị H, Đỗ Quang K, Bùi Công B và Trương Quốc V.

[9] Về án phí, quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị cáo, Bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 123; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 50, 38, 15, 57 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

[1] Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đỗ Quang K phạm tội “*Giết người*”.

[2] Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Đỗ Quang K 08 (tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 04/10/2024.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 590 Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại do thương tích gây ra cho anh Bùi Công B, sinh năm 1989, địa chỉ: thôn P, xã B, huyện K, tỉnh Thái Bình tổng số tiền 47.300.000 đồng (bốn mươi bảy triệu ba trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy: 01 con dao (*dạng dao quắm*) dài 60cm cả cán, cán dao bằng gỗ hình trụ dài 27cm, đường kính 3,5cm, lưỡi dao bằng kim loại tối màu dài 33cm, bản dao chỗ giáp cán rộng 3,5cm, bản chỗ rộng nhất là 4,5cm, mũi dao tù bị cong vênh về phía bên trái, cách đầu mũi 1,5cm có vết mẻ rộng 0,8cm, trên cán dao có ghi chữ “Ô Khanh” viết bằng mực màu xanh.

(Vật chứng đang được quản lý tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình theo Biên bản giao nhận, bảo quản tang vật, tài sản thi hành án lập ngày 29/4/2025).

[5] Về án phí: Bị cáo Đỗ Quang K phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 2.365.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[6] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 23/6/2025./.

Nơi nhận:

- Cơ quan Cảnh sát Điều tra, Cơ quan Thi hành án hình sự, phòng Hồ sơ - Công an tỉnh Thái Bình.
- Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại Hà Nội; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình;
- Bị cáo, bị hại;
- Người bào chữa cho bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Thúy Hoàn